

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 7 và 7 tháng năm 2014

I. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 giảm 3,6% so tháng 6, đạt 96,4%. Những ngành tăng so tháng trước: in (+41,8%); dệt (+20,2%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+8,4%); sản phẩm từ cao su và plastic (+6,0%); đồ uống (+5,7%); giường, tủ, bàn, ghế (+4,7%); trang phục (+4,6%); thuốc (+1,7%); giấy (+1,6%); da giày (+1,1%)... Một số ngành giảm so tháng trước: sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-20,3%); điện tử (-17,7%); kim loại (-13,7%); thiết bị điện (-5,6%); xe có động cơ (-4,6%); thuốc lá (-3,6%)...

So với tháng 7/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7,0%.

Tính chung 7 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 6,2% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 3,5%; công nghiệp chế biến tăng 6,2%; sản xuất phân phối điện tăng 7,0%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,5%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 7 so với tháng 6	7 tháng so với cùng kỳ năm 2013
Tổng số	96,4	106,2
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	90,4	103,5
2. Công nghiệp chế biến	96,3	106,2
3. SX và phân phối điện	96,1	107,0
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	101,4	107,5
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	99,4	102,2
2. Sản xuất đồ uống	105,7	101,5
3. Sản xuất trang phục	104,7	113,1
4. Sản xuất da và SP liên quan	101,1	105,9
5. SX hóa chất và SP hóa chất	99,1	98,7
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	106,0	100,0
7. SP. từ khoáng phi kim loại	108,4	102,6
8. Sản xuất SP điện tử	82,3	107,0
9. Sản xuất thiết bị điện	94,4	111,4
10. Sản xuất xe có động cơ	95,4	190,9

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 19/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có mức tăng cao như: xe có động cơ (+90,9%); phương tiện vận tải khác (+33,7%); giường, tủ, bàn, ghế (+18,4%); sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+13,6%); trang phục (+13,1%); thiết bị điện (+11,4%); giấy (+10,8%). Một số ngành có mức tăng khá là: thuốc (+9,0%); xử lý và cung cấp nước (+8,2%); thu gom và xử lý rác (+7,6%); phân phối điện (+7,0%); điện tử (+7,0%); da giày (+5,9%). Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm là: in (+4,6%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+2,6%); dệt (+2,4%); chế biến thực phẩm (+2,2%); đồ uống (+1,5%); kim loại (-25,0%); thuốc lá (-21,3%); máy móc thiết bị (-14,2%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-8,0%); hóa chất (-1,3%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 7 giảm 7,1% so với tháng 6; tăng 6,0% so với tháng 7 cùng kỳ. Tính chung 7 tháng tăng 7,2% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 1,8%, hóa dược cao su tăng 2,5%, điện tử tăng 6,7% và cơ khí chế tạo tăng 19,0%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành thời điểm 1/7 so với thời điểm 1/6 tăng 6,5%. Những ngành có mức tồn kho tăng là: máy móc, thiết bị (+47,7%); đồ uống (+42,9%); thuốc (+12,1%); điện tử (+11,3%); sản phẩm từ cao su và plastic (+5,2%)... Những ngành có mức tồn kho giảm: kim loại (-27,6%); giường, tủ, bàn, ghế (-26,8%); da giày (-10,6%); thiết bị điện (-6,9%)...

Chỉ số tiêu thụ tháng 6 so với tháng 5 giảm 2,8%; so với tháng cùng kỳ tăng 15,1%. Những ngành có mức tiêu thụ tăng so tháng trước và tháng cùng kỳ: xe có động cơ; phương tiện vận tải khác; trang phục; điện tử; đồ uống; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; dệt; giường; tủ; bàn ghế; thuốc...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Trồng trọt

Vụ Hè thu: lúa đã xuống giống 4.700 ha, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước (huyện Củ Chi 2.971 ha, chiếm 63,2% diện tích). Rau 10.815 ha, tăng 3,4%; cỏ làm thức ăn gia súc vẫn được duy trì 4.000 ha, tương đương so cùng kỳ. Hoa cây cảnh 1.335 ha tăng 4,8%.

Hiện nay nông dân đang chuẩn bị mạ cấy cho vụ mùa 2014, diện tích vụ mùa đã xuống giống 84 ha, giảm 3,4% so cùng kỳ.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 7 ước thực hiện 5.220 tấn, tăng 28,5% so với cùng kỳ. Trong đó, nuôi trồng 2.878 tấn, tăng 73,3%, chủ yếu do sản lượng nghêu, sò, hào tăng 176,1%; khai thác 2.343 tấn, giảm 2,4%.

Sản lượng thủy sản 7 tháng ước đạt 26.586 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ; trong đó nuôi trồng tăng 13,8%; khai thác giảm 6,8% so với cùng kỳ.

***Tình hình thả nuôi tôm:** Tính đến ngày 4/7, đã có 440 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 91,3 triệu con giống trên diện tích 2.987,8 ha, so với cùng kỳ diện tích giảm 8,9%, con giống giảm 14%. Tôm thẻ chân trắng 1.702 lượt hộ thả nuôi với 714,9 triệu con giống trên diện tích 1.372,3 ha.

Tính từ đầu vụ có 277 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 159,2 ha làm thiệt hại 83,6 triệu con giống. Có 109 hộ với 75,6 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh với 3.935 kg thuốc TTCA, số còn lại hộ tự xử lý.

3. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tính đến nay, có 56 xã xây dựng nông thôn mới (6 xã điểm và 50 xã nhân rộng) đã thực hiện công tác đầu tư và phát triển thi công 1.327 công trình về giao thông, thủy lợi, trường học, nhà ở,...Đã có 51/56 xã cơ bản hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 7 tháng ước thực hiện 69.679 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 2,9%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 8.746,4 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 5.225 tỷ đồng, chiếm 59,7%; cấp quận huyện ước thực hiện 3.521,4 tỷ đồng, chiếm 40,3%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 7 tháng (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2013 (%)
Tổng vốn đầu tư	8.746,4	103,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	492,6	84,3
Cấp thành phố	5.225,0	121,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	371,2	140,4
Cấp quận huyện	3.521,4	84,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	121,4	38,2

Trong tháng tập trung chủ yếu là các dự án có vốn lớn như: dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên; nạo vét luồng Soài Rạp (giai đoạn 2); dự án thành phần số 4 nâng cấp đô thị... Nhìn chung 7 tháng có tốc độ tăng còn chậm (3,2%).

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Tiếp tục thi công nền móng và hạ tầng đoạn từ quận 2 đến Trạm 2, quận 9.

- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây: Hiện còn vướng chủ yếu ở phía gói thầu số 9 (nút giao thông vành đai 2).

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: Hiện còn vướng khu nhà A74 tại phường Linh Tây.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 6, toàn thành phố đã cấp 23.914 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 4.705,7 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 23.481 giấy phép, với diện tích 4.660,2 ngàn m² và 433 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 45,5 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 9% về giấy phép (+1.975) và tăng 9,8% về diện tích (+420 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/7, đã có 203 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 978,9 triệu USD (vốn điều lệ 701,6 triệu USD). Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 148 dự án, vốn đầu tư 468,8 triệu USD; liên doanh 55 dự án, vốn đầu tư 510,1 triệu USD.

Chia theo ngành nghề hoạt động: ngành công nghiệp 25 dự án, vốn đầu tư 234 triệu USD (chiếm 23,9%); thương nghiệp 47 dự án, vốn đầu tư 184,8 triệu USD (chiếm 18,9%); kinh doanh bất động sản 5 dự án, vốn đầu tư 385,9 triệu USD (chiếm 39,4%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 45 dự án, vốn đầu tư 149,7 triệu USD (chiếm 15,3%); thông tin và truyền thông 52 dự án, vốn đầu tư 12 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 31 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trên địa bàn, trong đó British Virgin Island 7 dự án, vốn đầu tư 346,3 triệu USD, chiếm 35,4% tổng vốn đăng ký cấp phép mới. Singapore 25 dự án, vốn đầu tư 220,6 triệu USD (chiếm 22,5%); Nhật Bản 41 dự án, vốn đầu tư 184 triệu USD (chiếm 18,8%); Hàn Quốc 28 dự án, vốn đầu tư 64,3 triệu USD (chiếm 6,6%); Hồng Kông 15 dự án, vốn đầu tư 50,2 triệu USD; Samoa 2 dự án, vốn đầu tư 51 triệu USD; Thái Lan 8 dự án, vốn đầu tư 17,5 triệu USD;...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 58 dự án, vốn đầu tư tăng 110,7 triệu USD. Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/7 đạt 1.089,6 triệu USD (cùng kỳ năm trước đạt 606,6 triệu USD). Giải thể, chuyển trụ sở đi tỉnh, thành phố khác hoặc đề nghị chấm dứt hoạt động 27 dự án, vốn đầu tư 79,1 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

4.1. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/7 đã có 12.980 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; trong đó: 594 doanh nghiệp tư nhân, 1.373 công ty cổ phần và 11.013 công ty TNHH với tổng vốn đăng ký là 70.969 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2013, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 9,4% (giảm 1.349 doanh nghiệp), nhưng số vốn đăng ký tăng 7,9% (5.199 tỷ đồng).

Số doanh nghiệp thành lập của khu vực công nghiệp – xây dựng là 3.026 chiếm 23,3% trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập, giảm 303 doanh nghiệp so với cùng kỳ; khu vực dịch vụ 9.866 doanh nghiệp chiếm 76%, giảm 1.081 doanh nghiệp.

Vốn đăng ký khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 26,8%, vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp là 6,2 tỷ đồng. Vốn đăng ký khu vực dịch vụ chiếm 81,5%, vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp 5,8 tỷ đồng.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong 6 tháng đầu năm có 12.043 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 75,7% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới là 12.349 và doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ là 3.563). So với 6 tháng cùng kỳ năm 2013, số doanh nghiệp ngưng nghỉ tăng 19,1%, riêng tháng 6 có hơn 2.000 doanh nghiệp ngưng nghỉ. Trong tổng số 12.043 doanh nghiệp ngừng hoạt động có 117 doanh nghiệp có vốn nước ngoài bằng 97,5% cùng kỳ và 11.904 doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 19,3% so cùng kỳ.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 7 ước đạt 55.138 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước, tăng 14,2% so với tháng cùng kỳ.

Một số nhóm hàng có mức tăng khá so với tháng trước: Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 6,5%; lương thực thực phẩm tăng 4,1%; hàng may mặc tăng 3,8%, đồ dùng trang thiết bị gia đình tăng 3,7%, xăng dầu tăng 4,5%...

Ước tính 7 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 366.380 tỷ đồng, tăng 12,8% so cùng kỳ năm 2013. Loại trừ biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 7,5%. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng cao hơn khu vực trong nước, nhưng chỉ chiếm tỷ trọng 4,9% trong tổng mức.

Chia theo thành phần kinh tế:

Kinh tế nhà nước 53.550 tỷ đồng, chiếm 14,6%, tăng 10,7%.

Kinh tế ngoài nhà nước 295.001 tỷ đồng, chiếm 80,5%, tăng 13,1%

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 17.829 tỷ đồng, chiếm 4,9%, tăng 13,9%.

Chia theo ngành kinh tế:

Thương nghiệp 272.903 tỷ đồng, chiếm 74,5%, tăng 13,8%.

Khách sạn, nhà hàng 40.193 tỷ đồng, chiếm 11%, tăng 10,7%.

Dịch vụ 23.840 tỷ đồng, chiếm 6,5%, tăng 11,2%.

Du lịch 10.836 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 11,6%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 7 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 7 tháng với cùng kỳ 2013		
	Trên địa bàn	K.té trong nước	K.té có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. té trong nước	K.té có vốn ĐTNN
Tổng mức	366.380	348.551	17.830	112,8	112,7	113,9
Tr.đó: Thương nghiệp	272.903	265.679	7.225	113,8	113,4	130,9
Khách sạn	3.631	1.887	1.744	96,5	93,9	99,6
Nhà hàng	36.562	34.387	2.174	112,3	114,1	89,8
Dịch vụ du lịch lữ hành	10.836	9.522	1.314	111,6	110,1	123,2

Hoạt động du lịch: Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 7 tháng 2014 ước đạt 14.467 tỷ đồng, chiếm 3,9% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 7,4% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7 tăng 0,12% so với tháng 6, giảm 0,46 điểm phần trăm so mức tăng tháng 6, tháng 6 tăng 0,58%; như vậy tuy tháng này tăng giá nhưng lại là tháng có mức tăng thấp nhất trong các tháng có giá tăng từ đầu năm đến nay: tháng 1 tăng 0,40%; tháng 2 tăng 0,24%; tháng 5 tăng 0,36%, tháng 6 tăng 0,58% (tháng 3 và tháng 4 giá giảm). Trong 11 nhóm hàng có 6 nhóm hàng tăng giá: ăn uống (+0,25%), may mặc (+0,05%), thiết bị đồ dùng gia đình (0,03%), giao thông (+0,4%), bưu chính viễn thông (+0,01%); hàng hóa và dịch vụ khác (+0,29%); 4 nhóm hàng giảm giá: đồ uống thuốc lá (-0,06%); nhà ở điện nước chất đốt (-0,07%); giáo dục (-0,12%) và văn hóa giải trí (-0,34%), nhóm dược phẩm và y tế không có biến động.

Một số nhân tố tác động lên giá cả tháng 7 có thể kể đến là: ảnh hưởng tăng có giá thịt gia cầm tăng khá, trứng và rau tăng cao; quần áo may sẵn tăng nhẹ, đặc biệt giá xăng dầu tăng qua 2 lần điều chỉnh vào ngày 23/6 và 7/7 dẫn đến giá xăng lập kỷ lục với mức 25.640 đồng/lít; về giảm có giá lương thực tiếp tục giảm do ảnh hưởng giá xuất khẩu gạo giảm và tồn kho đang cao, giá vật liệu xây dựng, điện nước giảm do nhu cầu giảm trong mùa mưa; giá sách giáo khoa giảm do đang có chương trình khuyến mãi.

Mức biến động giá một số hàng hóa trong tháng: lương thực (-0,18%), thịt heo (-0,07%); thịt bò (+0,74%), gia cầm tươi sống (+1,19%), thịt chế biến (-0,18%), thủy sản tươi sống (+0,4%), thủy sản chế biến (-0,42%), rau tươi khô chế biến các loại (+4,12%), trứng các loại (+4,43%), dầu mỡ ăn và chất béo khác (-0,24%), sữa (-1,2%), rượu bia các loại (+0,04%), gas (+0,3%); xăng dầu (+0,82%); du lịch trọn gói (-0,81%); dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ y tế, giao thông công cộng không biến động.

So với tháng 7/2013 chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,47%. Có 2 nhóm hàng giảm là bưu chính viễn thông (-0,96%) và văn hóa giải trí (-1,05%). 9 nhóm hàng còn lại đều tăng, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn tăng 3,41%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 8,59%; nhà ở điện nước chất đốt tăng 3,30%; giao thông tăng 2,85%.

So với tháng 12/2013, giá tiêu dùng tăng 1,22%, với mức tăng cao nhất của nhóm thuốc và dịch vụ y tế là +8,53% do điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế, giao thông là nhóm có mức tăng xếp thứ hai (+2,87%) chủ yếu do xăng dầu tăng (+4,95%), xếp thứ ba là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+1,80%) trong đó thực phẩm tăng 3,0%. Như vậy bình quân 1 tháng trong 7 tháng đầu năm 2014 chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,17%.

Chỉ số **giá bình quân 7 tháng đầu năm 2014 so với cùng kỳ tăng 4,89%** (7 tháng năm 2013 tăng 2,96%).

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 7 ước đạt 2.241,5 triệu USD, giảm 14,6% so với tháng trước, giảm 7,8% so cùng kỳ.

Ước tính 7 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 16.399,5 triệu USD, tăng 3,5% so cùng kỳ năm trước (+552,8 triệu USD).

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước chiếm 33,7%, tăng 10%
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 30,1%, giảm 3,6%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 36,1%, tăng 4,1%.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 11.806,7 triệu USD, tăng 1,9%. Trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 21,6%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế

(Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 7 2014	7 tháng 2014	Tháng 7 với tháng 6	7 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.661,5	11.806,7	96,3	101,9
Kinh tế trong nước	816,1	5.882,4	96,2	99,7
Kinh tế Nhà nước	135,0	940,1	106,7	121,6
Kinh tế Ngoài nhà nước	681,1	4.942,3	94,4	96,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	845,3	5.924,2	96,5	104,1

Chia theo nhóm hàng:

Nhóm hàng nông sản chiếm 19,8% trong tổng kim ngạch không tính dầu thô, tăng 8,9% so cùng kỳ, Hàng thủy hải sản chiếm 3,5%, tăng 14,8%. Hàng lâm sản chiếm 2,4%, tăng 23,4%; Nhóm hàng công nghiệp chiếm 66,6%, giảm 2,1%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 7,6%, tăng 9,8%.

Chia theo thị trường xuất khẩu: Thị trường Mỹ chiếm 16,6% trong tổng kim ngạch kể cả dầu thô, tăng 2,8% so cùng kỳ; Nhật Bản chiếm 15,3%, tăng 3,8%; Trung Quốc 12,6%, tăng 31,7%; Australia 8,4%, tăng 51%; Malaysia 44,8%, giảm 43%; Singapore 3,5%, tăng 47,2%...

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu so với cùng kỳ:

- Rau quả 247,2 triệu USD, chiếm 2,1% tổng kim ngạch không tính dầu thô, tăng 48,5%;

- Cà phê 240,3 ngàn tấn, trị giá 481,9 triệu USD, chiếm 4,1%, tăng 14,6%;

- Hạt tiêu 57,8 ngàn tấn, trị giá 413,9 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 85,8%,

- Gạo 1.430,5 ngàn tấn, trị giá 669,4 triệu USD, chiếm 5,7%, tăng 11%; Thị trường Philippin chiếm 53%, Trung Quốc 19%, Mỹ 7,3% và một số nước khác.

- Thủy sản 413,6 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 14,8%;

- Hàng dệt may 2.823 triệu USD, chiếm 23,9%, tăng 8,6%. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 47,5%, tăng 10,2%. Khu vực trong nước chiếm 52,5%, tăng 7,3%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Nhật và Hàn Quốc.

- Giày dép 1.197,6 triệu USD, chiếm 10,1%, tăng 7,4%; Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 79,4%, tăng 7,4%. Khu vực trong nước chiếm 20,6%, tăng 7,4%.

- Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 838,5 triệu USD, chiếm 7,1%, tăng 37%

- Cao su 140,9 ngàn tấn, trị giá 264,5 triệu USD, chiếm 2,2%, giảm 42%;

- Máy vi tính và SP điện tử 1.459,6 triệu USD, chiếm 12,4%, giảm 14,6%. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,3%.

Riêng dầu thô chiếm 28% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 7,9% (lượng tăng 7%, giá tăng 0,9%).

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 7 ước thực hiện 1.976,9 triệu USD, giảm 2,4% so với tháng trước và giảm 25,2% so tháng cùng kỳ.

Ước tính 7 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt **14.141,2 triệu USD, giảm 8% so với cùng kỳ 2013**. Kinh tế nhà nước chiếm 8,5%, giảm 33,5%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 55,3%, giảm 9,2%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 36,2%, tăng 3,3%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 7	7 tháng	Tháng 7 với tháng 6	7 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.976,9	14.141,2	97,6	92,0
Kinh tế Nhà nước	146,4	1.198,1	82,5	66,5
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.076,6	7.821,6	98,3	90,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	753,9	5.121,5	100,2	103,3

Chia theo thị trường nhập khẩu: Thị trường Trung Quốc chiếm 22% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 1,9% so cùng kỳ; Singapore 12,1%, tăng 45,8%; Mỹ 6%,

tăng 28,3%; Nhật Bản 6,8%, tăng 4,1%; Đài Loan 7,3%, tăng 18,5%; Thái Lan 6,1%, tăng 4,8%; Hàn Quốc 6,7%, tăng 11,7%...

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu so cùng kỳ:

- + Nhiên liệu: 411,7 triệu USD, chiếm 2,9%, tăng 56,9%
- + Hóa chất 325,4 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 9,6%.
- + Các SP hóa chất 493,2 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 7,8%.
- + Dược phẩm 598,3 triệu USD, chiếm 4,2%, tăng 12,6%.
- + Chất dẻo đạt 946,7 triệu USD, chiếm 6,7%, tăng 11,9%.
- + Vải các loại 1.326 triệu USD, chiếm 9,4%, tăng 15%
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 488,1 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 18,6%.
- + Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 1.898,7 triệu USD, chiếm 13,4%, tăng 31,2%
- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 316,2 triệu USD, chiếm 2,2%, tăng 3,2%.
- + Sắt thép đạt 614,7 triệu USD, chiếm 4,3%, giảm 6,4%.
- + Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 1.670,7 triệu USD, chiếm 11,8%, giảm 14,5%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 7 ước đạt 5.250,4 tỷ đồng, tăng 5,8% so với tháng trước và tăng 14% so với cùng kỳ 2013.

Ước tính 7 tháng đầu năm đạt 34.017,8 tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 12,8%, tăng 7,1%; ngoài nhà nước chiếm 82,1%, tăng 16,9%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,1%, giảm 0,5%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 7 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 7 tháng với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	23.313,0	10.704,8	114,6	114,3
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	3.556,3	789,4	107,1	107,4
Kinh tế ngoài nhà nước	19.629,8	8.295,1	116,3	118,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	126,9	1.620,3	89,5	100,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	12.901,1	9.100,4	116,2	117,3
Đường sông	2.214,4	199,0	116,1	124,4
Đường biển	8.160,9		111,9	
Hàng không	36,6	1.405,4	93,6	97,2

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 23.313 tỷ đồng, tăng 14,6% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 55,3%, tăng 16,2%. Vận tải đường biển chiếm 35%, tăng 11,9%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 7 tháng đầu năm ước đạt 10.704,8 tỷ đồng, tăng 14,3% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 85%, tăng 17,3%, đường hàng không chiếm 13,1%, giảm 2,8%.

2. Hàng hóa qua cảng

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 7 ước thực hiện 6.895,6 nghìn tấn, giảm 1,9% so tháng trước và tăng 9,4% so với tháng 7/2013. 7 tháng đầu năm ước đạt 46.789,3 nghìn tấn, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 17.783,3 nghìn tấn, chiếm 38%, tăng 12,8%; hàng nhập khẩu 20.964,4 nghìn tấn, chiếm 44,8%, tăng 12,3%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 7	7 tháng	Tháng 7 so tháng 6	7 tháng so với cùng kỳ 2013
Tổng số	6.895,6	46.789,3	98,1	112,6
* <i>Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.681,7	45.403,2	97,8	112,0
Cảng sông	214,0	1.386,2	109,4	137,4
* <i>Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.622,1	17.783,3	96,7	112,8
Hàng nhập khẩu	3.039,7	20.964,4	97,6	112,3
Hàng nội địa	1.233,9	8.041,6	102,4	112,9

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 7 tháng ước thực hiện 150.080,9 tỷ đồng, đạt 65,7% dự toán, tăng 14% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 81.892 tỷ đồng, đạt 65,9% dự toán, tăng 17,2% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 18.148,7 tỷ đồng, đạt 66,5% dự toán, giảm 0,4% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 48.500 tỷ đồng, đạt 64,8% dự toán, tăng 15,8%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 7 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 7 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng thu	228.340	150.080,9	65,7	114,0
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	148.540,6	65,6	114,3
I- Thu nội địa	124.200	81.892,0	65,9	117,2
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	17.124,2	71,5	120,5
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	19.048,8	64,6	106,8
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	22.546,0	66,8	125,0
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	48.500,0	64,8	115,8
III- Thu từ dầu thô	27.300	18.148,7	66,5	99,6

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 7 tháng ước thực hiện 17.124,2 tỷ đồng, chiếm 20,9% tổng thu nội địa, tăng 20,5% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thực hiện 10.963 tỷ đồng, đạt 76,4% dự toán, tăng 29,6%; Doanh nghiệp nhà nước địa phương 6.161,2 tỷ đồng, đạt 64,2% dự toán, tăng 7,2%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 19.048,8 tỷ đồng, chiếm 23,3%, tăng 6,8%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 22.546 tỷ đồng, chiếm 27,5%, tăng 25%. Thu khác đạt 23.173 tỷ đồng, tăng 17%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 11.126,6 tỷ đồng, giảm 4,3%, Thu tiền sử dụng đất 4.553,5 tỷ đồng, tăng 84,1%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 7 tháng ước đạt 29.318,1 tỷ đồng, đạt 71,3% dự toán, tăng 21,5% so cùng kỳ năm 2013.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 7 tháng ước thực hiện 22.315,7 tỷ đồng, đạt 53,2% dự toán, tăng 7% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 7 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 7 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	22.315,7	53,2	107
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	8.737,8	78,4	125,7
II- Chi thường xuyên	29.500,0	13.318,9	45,1	97,8
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	958,1	23,5	52,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	4.237,6	51,1	113,9
Sự nghiệp y tế	3.269,7	1.421,3	43,5	102,6
Quản lý hành chính	4.608,4	2.452,6	53,2	109,6

Chi đầu tư phát triển 8.737,8 tỷ đồng, đạt 78,4% dự toán, tăng 25,7% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 13.318,9 tỷ đồng, giảm 2,2% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 958,1 tỷ đồng, giảm 47,9%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.237,6 tỷ đồng, tăng 13,9%; chi sự nghiệp y tế 1.421,3 tỷ đồng, tăng 2,6%; chi quản lý hành chính 2.452,6 tỷ đồng, tăng 9,6%; chi đảm bảo xã hội tăng 17,4%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 50%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 7 tháng ước 38.911,6 tỷ đồng, đạt 92,7% dự toán, tăng 7,3% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 7 đạt 1.205,6 ngàn tỷ đồng, đạt 102,8% (chỉ số này tháng trước: 100%); so với tháng cùng kỳ tăng 14,4%. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 55,9% tổng vốn huy động, tăng 15,7% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,4% tổng vốn huy động, tăng 11,0% so tháng cùng kỳ; vốn huy động VNĐ chiếm 84,6% tổng vốn huy động, tăng 15,0% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 55,6%, tăng 16,2% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 7 đạt 979,9 ngàn tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước, cao hơn chỉ số của tháng 6 (-0,1%); so với tháng 12/2013 tăng 2,8%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 9,5%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 544,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,6% tổng dư nợ, tăng 12,5% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 166,0 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,9% tổng dư nợ, tăng 3,3% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 813,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 83,1% tổng dư nợ, tăng 10,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 46,5%, tăng 14,5% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 53,5% tăng 5,6% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 06/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 300 gồm 298 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 05/2014. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.019.923,17 tỷ đồng, tăng 21,1% so với cuối năm 2013. Trong tháng 06/2014 có 21 phiên giao dịch, 12 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 578,13 điểm, tăng 73,50 điểm (tương ứng tăng 14,6%) so với cuối năm trước và tăng 16,11 điểm (tương ứng tăng 2,9%) so với cuối tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 06/2014 đạt 1.818,05 triệu chứng khoán, giảm 12,1% so với tháng 05/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 28.297,70 tỷ đồng, giảm 9,0% so tháng 05/2014. Trung bình mỗi phiên có 86,57 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.347,51 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 16,3% và giá trị giao dịch giảm 13,3% so với tháng 05/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 24/03 với 607,55 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 06/2014	6 tháng năm 2014	Tháng 06 so tháng 05	6 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	1.818,05	13.735,91	87,9	176,1
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.815,61	13.718,81	87,9	177,5
Trái phiếu	2,30	15,50	176,9	105,4
Chứng chỉ quỹ	0,14	1,60	70,0	3,1
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.671,65	12.972,70	85,4	183,7
Giao dịch thỏa thuận	146,40	763,21	133,7	103,8
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	28.297,70	231.444,03	91,0	179,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	28.093,07	230.077,02	90,7	180,4
Trái phiếu	203,25	1.352,00	181,4	115,0
Chứng chỉ quỹ	1,38	15,01	74,2	2,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	24.489,19	205.032,58	87,7	190,4
Giao dịch thỏa thuận	3.808,51	26.411,45	119,7	122,3

Cập nhật đến ngày 15/07/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.045.773,81

tỷ đồng, tăng 24,1% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 15/07 đạt 589,31 điểm, tăng 84,68 điểm so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 16,8%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/05/2014 đến 15/06/2014)

* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 81 vụ. Trong đó: buôn bán vận chuyển hàng hóa không có hóa đơn chứng từ (06 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (14 vụ); mua bán hàng cấm (50 vụ); kinh doanh hàng ngoại nhập lậu (06 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (02 vụ); án khác (03 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 3,12 tỷ đồng.

Phát hiện 36 trường hợp vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải.

* **Vi phạm hình sự:** Trong tháng đã xảy ra 528 vụ, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 05 người, bị thương 63 người, thiệt hại tài sản giá trị khoảng 13,2 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người (08 vụ), cướp tài sản (34 vụ), cướp giật (93 vụ), cố ý gây thương tích (38 vụ), trộm cắp tài sản (281 vụ), ... Số vụ phạm pháp hình sự tuy có giảm nhưng tính chất, mức độ diễn biến phức tạp hơn. Số vụ đã được điều tra khám phá là 342 vụ, bắt 436 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Đã phát hiện 164 vụ; trong đó, mua bán - tàng trữ: 133 vụ, sử dụng trái phép các chất ma túy: 31 vụ. Đã khởi tố 125 vụ với 181 người vi phạm, xử lý hành chính 39 vụ với 123 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 271 người nghiện vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 02 vụ tổ chức mua bán dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn, massage, karaoke để hoạt động. Kiểm tra, lập biên bản 171 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã phát hiện và lập hồ sơ xử lý 60 vụ tổ chức cờ bạc với 267 người tham gia, thu giữ khoảng 2,3 tỷ đồng và nhiều tài sản khác.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản hành chính và xử phạt trên 41,8 ngàn trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, tạm giữ hơn 5 ngàn xe các loại, tước giấy phép lái xe 5,4 ngàn trường hợp, xử lý khoảng 1,3 ngàn trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm và 1,7 ngàn trường hợp có nồng độ cồn vượt quá giới hạn cho phép khi lưu thông trên đường... thu nộp ngân sách nhà nước 16,1 tỷ đồng.

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 374 vụ, giảm 25,6% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 53 người, giảm 23,2%, bị thương 324 người, giảm 55,9%.

- **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 19 vụ cháy, giảm 32 vụ so với cùng kỳ năm trước, giảm 08 vụ so với tháng trước, không có người chết, bị thương 01 người, thiệt hại

tài sản trị giá ước khoảng 104 triệu đồng. (trong đó có 7 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố vi phạm trong sử dụng điện.

Đã xảy ra 01 vụ nổ, giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm trước, bị thương 02 người, chưa ước tính được thiệt hại về tài sản.

2. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 7, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 23,9 ngàn người, tăng 13,6% so với tháng trước. Trong đó, số lao động có việc làm ổn định là 14,3 ngàn người, chiếm 59,7% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 7,1 ngàn.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2014, đã có 167,1 ngàn lao động được giải quyết việc làm, đạt 63% so với kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 106,7 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 64,1 ngàn chỗ làm, đạt 53,5% kế hoạch.

3. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01/6 đến ngày 04/7, trên địa bàn thành phố đã có 14,6 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, số người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 12,9 ngàn người. Đã có 13,9 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (gồm cả những trường hợp từ tháng trước chuyển qua). Tư vấn và giới thiệu việc làm cho trên 14 ngàn người và hỗ trợ học nghề cho 1.102 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 7 và 7 tháng năm 2014.

CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733